

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04/01/2019

“ V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Phong

Bà Huỳnh Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thị xã Hồng Ngự, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/12/2018, về việc “Ly hôn” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984.

- Bị đơn: Anh Đào Chí T, sinh năm 1984.

Cùng cư trú tại: ấp T, xã H, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Vào năm 2002, chị và chồng anh Đào Chí T tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức cưới nhau, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị bất đồng quan điểm. Chị và anh T đã ly thân 10 năm. Nay xét thấy tình cảm không còn, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đào Chí T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Đào Văn G, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2002 và Đào Thị Mỹ L, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2006. Hiện hai cháu G và L đang sống cùng với chị N, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc

và giáo dục hai cháu G và L, không yêu cầu anh Đào Chí T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 12/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Đào Chí T trình bày:* Vào năm 2002, anh và vợ anh chị Nguyễn Thị N tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức cưới nhau, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh bất đồng quan điểm. Anh và chị N đã ly thân 10 năm. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh Đào Chí T thống nhất ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Đào Văn G, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2002 và Đào Thị Mỹ L, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2006. Hiện hai cháu G và L đang sống cùng với chị N, anh T thống nhất giao hai cháu G và L cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, anh Đào Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Đào Chí T Tại phiên hòa giải ngày 21/12/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay anh T đồng ý ly hôn với chị N, tuy nhiên xét về quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị N và anh Đào Chí T là không hợp pháp. Vì anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Do đó, Hội đồng xét xử xét tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Nguyễn Thị N và anh Đào Chí T là phù hợp.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đào Chí T tự nguyện thỏa thuận: Chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung tên Đào Văn G, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2002 và Đào Thị Mỹ L, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2006, chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Đào Chí T cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị N với anh Đào Chí T cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu G và cháu L nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa anh chị.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đào Chí T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 9, 14, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đào Chí T

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị N và anh Đào Chí T: Chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Đào Văn G, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2002 và Đào Thị Mỹ L, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2006, chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Đào Chí T cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đào Chí T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002725 ngày 06/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự. Vậy chị Nguyễn Thị N không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- VKSND TX Hồng Ngự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phan Thị Mỹ Dung